

Số: 113 /QĐ-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-ĐHĐN ngày 29/02/2016 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên, các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Đào tạo, Đại học Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-ĐHĐN ngày 29/02/2016 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng như sau:

1. Khoản 1-Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Văn bản này nhằm cụ thể hóa các quy định về việc tổ chức tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Quy định về hoạt động tuyển sinh trình độ thạc sĩ, bao gồm: các nội dung liên quan đến việc tuyển sinh; chế độ báo cáo, lưu trữ và thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại Đại học Đà Nẵng”.

2. Điểm a Khoản 1 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam. Việc xét tuyển người nước ngoài được thực hiện theo Quy chế hiện hành về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam và các quy định cụ thể của cơ sở đào tạo”.

3. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Các môn thi tuyển sinh, phương thức kiểm tra năng lực thí sinh quy định tại Khoản 1 Điều này phải được xác định trong đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi môn thi tuyển sinh hoặc phương thức kiểm tra năng lực thí sinh do thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo và phải được ĐHĐN phê duyệt trước khi thông báo tuyển sinh, đồng thời báo cáo Bộ GD&ĐT”.

4. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Danh mục và nội dung kiến thức các học phần bổ sung kiến thức được Thủ trưởng đơn vị thành viên quy định và trình Giám đốc ĐHĐN phê duyệt trước khi triển khai thực hiện”.

5. Khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Về văn bằng, người tham gia dự thi thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

c) Người có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác có thể đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

đ) Căn cứ vào điều kiện của cơ sở đào tạo và yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể về điều kiện văn bằng”.

6. Khoản 3 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Ban Coi thi

a) Thành phần Ban Coi thi gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh; Ủy viên thường trực và các Ủy viên, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, nhân viên y tế, công an (nơi cần thiết có thể thêm một số kiểm soát viên quân sự), kỹ thuật viên và phục vụ nếu cần;

Trưởng Ban Coi thi chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ công tác coi thi tại Hội đồng thi, quyết định xử lý các tình huống xảy ra trong các buổi thi. Phó Trưởng Ban Coi thi, Trưởng điểm thi thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng Ban Coi thi. Cán bộ coi thi, cán bộ giám sát phòng thi và các thành viên khác của Ban Coi thi chấp hành sự phân công của Trưởng Ban Coi thi, thực hiện đúng các quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng Ban Coi thi

- Phân công nhiệm vụ và chỉ đạo hoạt động của các thành viên Ban Coi thi, cán bộ coi thi, giám sát phòng thi, trật tự viên, cán bộ y tế, công an, nhân viên phục vụ tại điểm thi;

- Điều hành toàn bộ công tác coi thi theo quy định;

- Quyết định xử lý các tình huống xảy ra trong các buổi thi.

c) Cán bộ coi thi phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên”.

7. Mục 3 Điểm d Khoản 4 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“- ĐHQĐN có thể mời giảng viên của các cơ sở đào tạo thạc sĩ khác, đáp ứng các điều kiện quy định tại Mục 1 thuộc Điểm d Khoản 4 Điều này tham gia chấm thi”.

8. Điểm a Khoản 5 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Thành phần của Ban Phúc khảo gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và các Ủy viên là cán bộ chấm phúc khảo. Trưởng Ban Phúc khảo và các Ủy viên Ban Phúc khảo chưa tham gia Ban Chấm thi lần đầu. Cán bộ chấm phúc khảo phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều này”.

9. Khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Các hình thức thi: Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp và môn thi đặc thù. Dạng thức và thời lượng phụ thuộc từng môn thi do hiệu trưởng đơn vị thành viên quyết định và báo cáo Giám đốc ĐHQĐN”.

10. Khoản 3 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. *Đình chỉ thi* đối với các thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

a) Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi môn đó vẫn tiếp tục vi phạm Quy chế;

b) Khi vào phòng thi mang theo tài liệu; phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm, ghi hình, thiết bị chứa đựng thông tin có thể lợi dụng để làm bài thi; vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, các vật dụng gây nguy hại khác;

Thí sinh bị đình chỉ thi bài thi nào sẽ bị điểm 0 (không) bài thi đó; không được tiếp tục dự thi các bài thi tiếp theo.

Hình thức đình chỉ thi do Trưởng điểm thi quy định”.

11. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thang điểm chấm thi

- Chấm thi theo hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm do Ban Đề thi cung cấp.

- Thang điểm của đề thi môn Ngoại ngữ là thang điểm 100 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 100.

- Bài thi các môn khác được chấm theo thang điểm 10, điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

2. Quy trình chấm

Chấm thi vấn đáp: Cán bộ chấm thi vấn đáp sau khi gọi thí sinh vào phòng thi, đối chiếu thẻ dự thi và danh sách ảnh, tiến hành cho thí sinh bốc thăm Phiếu câu hỏi trong bộ đề thi/bộ câu hỏi. Thí sinh chuẩn bị phương án trả lời và trả lời câu hỏi trong thời gian quy định (thời gian này phụ thuộc vào từng môn thi). Sau khi thí sinh trả lời xong câu hỏi, hai cán bộ chấm thi vấn đáp thảo luận thống nhất điểm, rồi ghi điểm vào phiếu chấm và danh sách thí sinh có chữ ký của thí sinh. Phiếu chấm thi, Bảng tổng hợp điểm nộp cho Trưởng Ban coi thi (Trưởng điểm

thì) ngay sau khi kết thúc môn thi.

Chấm thi tự luận và trắc nghiệm:

Ban Thư ký Hội đồng thi giao túi bài thi đã làm phách và phiếu chấm cho Ban Chấm thi. Ban Chấm thi tập trung toàn bộ cán bộ chấm thi (CBChT) để quán triệt quy chế thi, thảo luận hướng dẫn chấm, thống nhất cách vận dụng hướng dẫn chấm; sau đó, tổ chức chấm thi theo quy trình chấm hai vòng độc lập.

a) Lần chấm thứ nhất:

- Ban Chấm thi bàn giao nguyên túi cho CBChT;

- Trước khi chấm, CBChT kiểm tra từng bài đảm bảo đủ số tờ, số phách và gạch chéo tất cả những phần giấy trắng còn thừa do thí sinh không viết hết. Không chấm những bài làm trên giấy khác với giấy dùng cho kỳ thi. Trong trường hợp phát hiện bài làm không đủ số tờ, số phách; bài làm trên giấy nháp; bài làm trên giấy khác với giấy dùng cho kỳ thi; bài làm có chữ viết của hai người, viết bằng hai thứ mực khác nhau trở lên, viết bằng mực đỏ, bút chì hoặc có viết vẽ những nội dung không liên quan nội dung thi; bài làm nhàu nát hoặc nghi vấn có đánh dấu, CBChT có trách nhiệm giao những bài thi này cho Ban Chấm thi xử lý;

- Khi chấm lần thứ nhất, ngoài những nét gạch chéo trên các phần giấy còn thừa, CBChT tuyệt đối không ghi gì vào bài làm của thí sinh và túi bài thi. Điểm thành phần, điểm toàn bài và các nhận xét (nếu có) được ghi vào phiếu chấm của từng bài. Trên phiếu chấm ghi rõ họ, tên và chữ ký của CBChT thứ nhất;

b) Lần chấm thứ hai:

- Sau khi chấm lần thứ nhất thư ký Ban Chấm thi rút các phiếu chấm thi ra rồi giao túi bài thi cho người chấm lần thứ hai, đảm bảo không giao trở lại túi bài thi đã chấm cho chính người đã chấm lần thứ nhất;

- CBChT lần thứ hai chấm trực tiếp vào bài làm của thí sinh. Điểm chấm từng ý nhỏ phải ghi tại lề bài thi ngay cạnh ý được chấm; sau đó, ghi điểm thành phần, điểm toàn bài vào ô quy định, ghi rõ họ tên và ký vào ô quy định ở tất cả các tờ giấy làm bài thi của thí sinh;

Chấm xong túi nào, CBChT giao túi ấy cho Ban Chấm thi để bàn giao cho Ban Thư ký.

3. Xử lý kết quả chấm và làm biên bản chấm thi

Ban chấm thi so sánh kết quả chấm thi và xử lý như sau:

a) Xử lý kết quả 2 lần chấm:

Tình huống	Cách xử lý
Điểm toàn bài hoặc điểm thành phần lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhằm điểm): - Dưới 0,5 điểm đối với môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật. - Dưới 1,0 điểm đối với môn khoa học xã hội, kinh tế.	Hai CBChT thảo luận thống nhất điểm, rồi ghi điểm, ghi rõ họ tên và ký vào tất cả các tờ giấy làm bài của thí sinh.

<p>Điểm toàn bài hoặc điểm thành phần lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhằm điểm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 0,5 đến 1,0 điểm đối với môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật. - Từ 1,0 đến 1,5 điểm đối với môn khoa học xã hội, kinh tế. 	<p>Hai CBChT thảo luận và ghi lại bằng biên bản, báo cáo Trưởng Ban Chấm thi để thống nhất điểm (không sửa chữa điểm trong phiếu chấm hoặc phần tổng hợp điểm trong bài thi) sau đó ghi điểm, ghi rõ họ tên và ký vào tất cả các tờ giấy làm bài của thí sinh. Nếu đôi thoại không thống nhất được điểm thì Trưởng Ban Chấm thi quyết định điểm, ghi điểm và ký vào bài thi.</p>
<p>Điểm toàn bài hoặc điểm thành phần lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhằm điểm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 1,0 điểm đối với môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật. - Trên 1,5 điểm đối với môn khoa học xã hội, kinh tế. 	<p>Trưởng Ban Chấm thi tổ chức chấm lần thứ 3 trực tiếp vào bài thi của thí sinh bằng mực màu khác.</p>

b) Xử lý kết quả 3 lần chấm:

Tình huống	Cách xử lý
Nếu kết quả 2 trong 3 lần giống nhau	Trưởng Ban Chấm thi lấy điểm giống nhau làm điểm chính thức, rồi ghi điểm, ghi rõ họ tên và ký vào tất cả các tờ giấy làm bài của thí sinh.
Nếu kết quả 3 lần chấm lệch nhau lớn nhất: <ul style="list-style-type: none"> - Đến 2,0 điểm đối với môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật; - Đến 2,5 điểm đối với môn khoa học xã hội, kinh tế. 	Trưởng Ban Chấm thi lấy điểm trung bình cộng của 3 lần chấm làm điểm chính thức, rồi ghi điểm, ghi rõ họ tên và ký vào tất cả các tờ giấy làm bài của thí sinh.
Nếu kết quả 3 lần chấm lệch nhau lớn nhất: <ul style="list-style-type: none"> - Trên 2,0 điểm đối với môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật. - Trên 2,5 điểm đối với môn khoa học xã hội, kinh tế. 	Trưởng Ban Chấm thi tổ chức chấm tập thể. Các CBChT và Trưởng Ban Chấm thi ghi rõ họ tên và ký vào tất cả các tờ giấy làm bài thi của thí sinh. Điểm chấm lần này là điểm chính thức của bài thi.

12. Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. ĐHDN thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát các khâu trong công tác tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo các quy định hiện hành.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế của người tham gia công tác tuyển sinh và thí sinh dự thi. Việc khiếu nại,

tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban hữu quan của Đại học Đà Nẵng, Hiệu trưởng các đơn vị thành viên căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Lê Thành Bắc